

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 155/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/3/2022

V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 664/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Mỹ T, sinh năm: 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Trần Minh N, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N2, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2021, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ T trình bày: Trước khi cưới chị và anh Trần Minh N có tìm hiểu nhau 01 năm, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã N2. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống tại nhà mẹ chồng ở N2, cuộc sống vợ chồng bình thường. Khoảng năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N ham chơi với bạn bè, không lo làm ăn, ít quan tâm vợ con. Ngoài ra anh còn nóng tính và hay ghen tuông, có lần chị đi uống cà phê về nhà bị anh đánh, chị bức xúc nên cũng có nói nặng lời với anh N. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhưng anh

không thay đổi tính tình. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2021 đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với chồng nữa nên nay chị yêu cầu Tòa giải quyết, cho chị được ly hôn với anh Trần Minh N.

Vợ chồng có 02 người con chung gồm: tên Trần Hoàng Q, sinh ngày: 05/3/2014 và tên Trần Hoàng Ngọc T1, sinh ngày: 03/9/2016. Hiện nay cháu Q đang ở với anh N còn cháu T1 đang ở với chị. Chị yêu cầu mỗi người tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Theo bản tự khai ngày 14/02/2022 và các văn bản tố tụng khác bị đơn anh Trần Minh N trình bày:

Anh và chị T tổ chức cưới hỏi vào năm 2016, có thời gian tìm hiểu hơn 01 năm, có đăng ký kết hôn. Khoảng năm 2018, anh có ham chơi trò chơi điện tử nên vợ khó chịu, có lời qua tiếng lại. Cuối năm 2020, anh tình cờ đọc tin nhắn trong điện thoại của vợ, phát hiện vợ có nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác, anh nghi ngờ vợ không chung thủy nên trong lúc nóng giận anh có đánh vợ. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng chị T vẫn tính nào tặc nấy. Từ trước Tết Nguyên đán năm 2022 anh về nhà mẹ ruột ở H, N2 sống, còn chị T vẫn ở nhà cha mẹ vợ ở L, N1. Hiện anh không còn tình cảm với vợ nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 02 người con chung gồm: Trần Hoàng Q, sinh ngày: 05/3/2014 và Trần Hoàng Ngọc T1, sinh ngày: 03/9/2016, các con đang ở với anh. Anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề thợ xây, thu nhập bình Q mỗi tháng 9.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Mỹ T và anh Trần Minh N.

Về con chung: Giao 02 người con chung cháu Trần Hoàng Q, sinh ngày: 05/3/2014 và cháu Trần Hoàng Ngọc T1, sinh ngày: 03/9/2016 cho anh N nuôi dưỡng, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mặt tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Minh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Mỹ T và anh Trần Minh N tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã N2 theo giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 25/4/2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đều xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, không tôn trọng nhau, không tin tưởng lòng chung thủy của nhau, luôn kình cãi, không ai nhường nhịn ai, gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng anh chị cũng không hàn gắn được, hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau, không chia sẻ công việc của nhau, mạnh ai nấy sống, hiện anh N cũng đồng ý ly hôn. Qua trên, thể hiện mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, do đó việc chị T yêu cầu ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét về yêu cầu nuôi con chung: Chị T và anh N có 02 người con chung tên Trần Hoàng Q và tên Trần Hoàng Ngọc T1. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu nuôi cháu T1 còn giao anh N nuôi cháu Q, không ai cấp dưỡng nuôi con. Còn anh N yêu cầu nuôi 02 người con, không yêu cầu cấp dưỡng. Việc nuôi con là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, xem xét các điều kiện, bảo đảm việc học hành và về thể chất đủ cho việc sinh hoạt, và phát triển tốt về tinh thần các con. Hiện nay, cháu Q đang ở với anh N còn cháu T1 đang ở với chị T. Cháu T1 còn quá nhỏ là con gái, lâu nay chị T trực tiếp chăm sóc nên tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho mọi mặt bé gái. Còn cháu Q ở với anh N là đảm bảo việc học hành của cháu và cũng phù hợp nguyện vọng của cháu Q. Qua phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Q cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng còn giao cháu T1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là thỏa mãn với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Qua xem xét về việc giao con như trên, mức thu nhập của anh chị và mức chi phí sinh hoạt của các con ở thời điểm hiện nay và trách nhiệm của cha mẹ đối với các con chung. HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[2.4] Về tài sản chung và nợ: chị T và anh N không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí là 300.000đ.

[3] *Về ý kiến của Kiểm sát viên:* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến phù hợp với một phần nhận định của HĐXX nên được chấp nhận một phần. Riêng về phần nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, Kiểm sát viên đề nghị giao cả 02 người con chung Trần Hoàng Q và Trần Hoàng Ngọc T1 cho anh N nuôi dưỡng là không bảo đảm việc sinh hoạt và phát triển về tinh thần cho bé gái.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng các Điều 19,51,56, 81,82,83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Mỹ T ly hôn với anh Trần Minh N.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Trần Hoàng Q, sinh ngày: 05/3/2014 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng và người con chung tên Trần Hoàng Ngọc T1, sinh ngày: 03/9/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh chị tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các con cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung và nợ: chị T và anh N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004940 ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, anh Trần Minh N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N2;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Huỳnh Thị Kiều Oanh**